

# QUẢN LÍ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TIẾNG ANH TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VƯƠNG VĂN CHO

Trưởng ĐHSP TP. Hồ Chí Minh

## 1. Đặt vấn đề

Đội ngũ giáo viên (GV) là nhân tố cơ bản quyết định chất lượng giáo dục. Vì vậy, xây dựng đội ngũ GV đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng luôn là mối quan tâm hàng đầu của người làm công tác quản lý giáo dục (QLGD).

Nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn của GV tiếng Anh, cuối năm 2011, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) đã tổ chức cho hàng ngàn GV tiếng Anh đang dạy ở các cấp, bậc học tham dự đợt khảo sát trình độ tiếng Anh theo chuẩn châu Âu (FCE). Đặc biệt là Đề án "Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp TP HCM giai đoạn 2011-2020" đã được Ủy ban nhân dân (UBND) TP.HCM phê duyệt theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 31/01/2012. Điều đó cho thấy vai trò quan trọng của GV tiếng Anh trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực hiện nay. Do vậy, nghiên cứu công tác quản lý đội ngũ GV tiếng Anh tại các trường trung học cơ sở (THCS) công lập (CL) quận 6 (Q.6), TP. HCM là việc làm cần thiết nhằm quản lý (QL) hiệu quả nguồn nhân lực quan trọng này, góp phần cải thiện chất lượng giảng dạy tiếng Anh tại địa phương ngày càng tốt hơn.

## 2. Thực trạng việc quản lý đội ngũ GV tiếng Anh tại các trường THCS CL TP. HCM.

Khảo sát 27 cán bộ quản lý (CBQL), tổ trưởng chuyên môn (TTCM), 45 GV tiếng Anh tại một số trường THCS CL ở Q.6, TP. HCM bằng phương pháp điều tra với những câu hỏi mở, câu hỏi đóng và nêu ý kiến phản ánh thực trạng của việc QL đội ngũ GV tiếng Anh tại các trường THCS CL Q.6, TP. HCM.

Kết quả của bảng 1 cho thấy:

- Việc thanh tra toàn diện, viết chuyên đề đánh giá năng lực đội ngũ GV và dự giờ bồi dưỡng GV đều được đa số CBQL quan tâm, vì đây là nhiệm vụ bắt buộc, thường xuyên phải thực hiện hàng năm theo kế hoạch kiểm tra năm học của hiệu trưởng (HT). Qua đó, cuối năm học HT mới có cơ sở đánh giá, phân loại từng GV theo yêu cầu của ngành học. Đối với GV thì tâm lí của họ lại ngại việc thanh, kiểm tra, dự giờ bồi dưỡng của CBQL hay GV bộ môn, vì sự đánh giá không chính xác sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi vật chất lẫn tinh thần của họ;

- Lập quy hoạch bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV chưa được cả CBQL lẫn GV quan tâm, do chưa có chế độ, chính sách ưu đãi phù hợp;

- Sinh hoạt của tổ chuyên môn trong việc bồi dưỡng GV chưa thực sự đạt hiệu quả cao, một phần vì

Bảng 1. Hoạt động QL đội ngũ GV tiếng Anh của CBQL ở trường THCS CL

Nội dung	Cán bộ quản lý			Giáo viên			F	P
	TB	ĐLT C	Thứ bậc	TB	ĐLT C	Thứ bậc		
1. Thanh tra toàn diện, viết chuyên đề đánh giá năng lực đội ngũ GV và dự giờ bồi dưỡng GV	2,93	0,27	2	2,60	0,84	4	1,897	0,173
2. Lập quy hoạch bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV	2,59	0,57	6	2,20	1,16	7	0,029	0,865
3. Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên theo chủ đề quy định	2,96	0,19	1	1,89	1,15	1	19,930	0,000
4. Bồi dưỡng GV qua hoạt động sinh hoạt chuyên môn	2,89	0,32	3	2,38	1,11	6	5,510	0,022
5. Hoạt động nghiên cứu khoa học và tổng kết kinh nghiệm dạy học bộ môn tiếng Anh.	2,07	0,47	7	1,67	1,22	3	0,081	0,777
6. Quản lý công tác tự bồi dưỡng của GV và tạo điều kiện để GV tiếp cận, giao lưu với người bản ngữ nâng cao kỹ năng giao tiếp	1,81	0,79	4	2,56	1,03	5	0,018	0,894
7. Chăm lo cải thiện đời sống cho GV	2,70	0,54	5	1,80	1,34	2	4,074	0,047



nội dung sinh hoạt chưa phong phú, tổ trưởng chưa chọn hình thức sinh hoạt, bồi dưỡng hấp dẫn, bổ ích;

- Nghiên cứu khoa học và tổng kết kinh nghiệm dạy học bộ môn tiếng Anh chưa phải là dạng hoạt động quen thuộc đối với GV THCS trong hầu hết các bộ môn, không riêng gì môn tiếng Anh. Muốn làm tốt công tác này phải có sự chuẩn bị chu đáo về mặt kinh phí, nội dung đề tài nghiên cứu, phương tiện, con người... và nhất là phải mất nhiều thời gian khảo sát, nghiên cứu, thử nghiệm;

- QL công tác tự bồi dưỡng của GV và tạo điều kiện để GV tiếp cận, giao lưu với người bản ngữ nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp là công việc tuy không mới mẻ, nhưng trong thực tế vẫn còn nhiều trường khó thực hiện;

- Việc chăm lo cải thiện đời sống cho GV, mặc dù đã được các trường quan tâm, nhưng vẫn chưa đáp ứng sự mong đợi của GV. Vấn đề này cần được tiếp tục nghiên cứu để có định hướng giải quyết phù hợp.

Kết quả của bảng 2 cho thấy:

- Việc QL kiểm tra, đánh giá học tập bộ môn tiếng Anh của HS là rất cần thiết, vì nó phản ánh khách quan chất lượng giảng dạy của giáo viên bộ môn (GVBM). Từ đó, CBQL có cơ sở xem xét đánh giá thực trạng QL việc giảng dạy của GVBM để điều chỉnh kế hoạch QL của mình. Vì vậy, việc phổ biến đến GV và HS các văn bản, quy định về chế độ kiểm tra, cho điểm, xếp loại HS phải được quán triệt ngay từ đầu năm học;

- Quy định việc kiểm tra của bộ môn tiếng Anh từng học kì và cả năm là điều không thể thiếu, vì có quy định như thế mới đảm bảo số lần kiểm tra tối thiểu để GVBM có cơ sở thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của mình và giúp CBQL theo dõi việc thực hiện nội dung chương trình của Bộ GD&ĐT dễ dàng hơn, vì vậy, vấn đề này được cả CBQL và GVBM coi trọng như nhau;

- Việc tổ chức theo dõi chấm, trả bài cho HS đúng quy chế đòi hỏi CBQL phải dành thời gian, công sức để kiểm tra đột xuất, định kì nhằm hạn chế tiêu cực có thể xảy ra ở một số bộ phận GV, nhất là đối với các bộ môn Văn, Toán, ngoại ngữ;

- Những trường có đội ngũ CBQL có trình độ chuyên môn tiếng Anh thì nên trực tiếp ra để hoặc phân công TTCTM tiếng Anh ra để các bài kiểm tra 1 tiết để đảm bảo tính công bằng và đánh giá đúng thực chất, khách quan kết quả học tập của HS;

- Việc ngăn chặn và xử lý các trường hợp vi phạm nội quy kiểm tra, thi cử của GV và HS cũng cần được thực hiện nghiêm chỉnh. Điều này giúp CBQL khép kín quy trình QL kiểm tra, đánh giá học tập bộ môn tiếng Anh của HS để có cơ sở tham khảo đánh giá trình độ, năng lực giảng dạy của GVBM. Kết quả khảo sát cho thấy CBQL đánh giá rất cao ở nội dung 1 và 2, vì nó mang tính bắt buộc, còn GVBM chỉ coi trọng nội dung 2 và 5, vì có lợi cho GV hơn.

Qua nghiên cứu thực trạng, có thể rút ra một số tồn tại cần được xem xét giải quyết như:

- Công tác quy hoạch bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV; hoạt động nghiên cứu khoa học và tổng kết kinh nghiệm dạy học bộ môn tiếng Anh; việc QL công tác tự bồi dưỡng của GV và tạo điều kiện để GV tiếp cận, giao lưu với người bản ngữ nâng cao kỹ năng giao tiếp; việc ra đề kiểm tra và tổ chức kiểm tra số gọi tên ghi điểm của lớp, học bạ của HS... chưa được CBQL và GV quan tâm đúng mức.

- Chế độ, chính sách chăm lo cải thiện đời sống cho GV vẫn còn hạn chế, bất cập, chưa đồng bộ, công bằng, hợp lí.

### 3. Đề xuất các biện pháp quản lí đội ngũ GV tiếng Anh

Bảng 2. Quản lí đội ngũ GV tiếng Anh trong việc kiểm tra, đánh giá học tập bộ môn tiếng Anh của HS

Nội dung	Cán bộ quản lí			Giáo viên			F	P
	TB	ĐLTC	Thứ bậc	TB	ĐLTC	Thứ bậc		
1. Phổ biến đến GV và HS các văn bản, quy định về chế độ kiểm tra, cho điểm, xếp loại HS.	2,93	0,27	1	2,62	0,96	3	21,496	0,000
2. Quy định việc kiểm tra của bộ môn tiếng Anh từng học kì và cả năm.	2,93	0,27	1	2,78	0,77	1	2,579	0,113
3. Tổ chức theo dõi việc chấm, trả bài cho HS đúng quy chế.	2,81	0,40	3	2,62	0,91	4	0,588	0,446
4. CBQL ra đề kiểm tra và tổ chức kiểm tra số gọi tên ghi điểm của lớp, học bạ của HS.	2,70	0,54	4	2,60	1,03	5	1,405	0,240
5. Ngăn chặn và xử lý các trường hợp vi phạm nội quy kiểm tra, thi cử (GV và HS).	2,63	0,49	5	2,67	0,95	2	0,060	0,808

### **3.1. Đặt trọng tâm quy hoạch, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV**

Nhằm giúp cho hoạt động giảng dạy tiếng Anh tại các trường THCS ổn định và phát triển bền vững, HT lên kế hoạch rà soát, quy hoạch, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV trên cơ sở phát triển nhà trường mang tính chiến lược, lâu dài. Bằng cách:

+ Tạo điều kiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV; lắng nghe và tôn trọng nguyện vọng của GV; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần để GV có cảm giác an tâm, được chia sẻ và được tôn trọng khi cộng tác với nhà trường;

+ Có chế độ thưởng - phạt kịp thời, công minh. Qua các kì sơ kết hoặc tổng kết thi đua, cần chọn ra được những GV tiên tiến điển hình, đạt thành tích cao (như GV đoạt giải trong các hội thi, GV hướng dẫn HS đạt tỉ lệ cao qua các kì thi HS giỏi, các kì thi tuyển sinh lớp 10,...).

### **3.2. Tăng cường quản lí việc thực hiện chương trình, kế hoạch giảng dạy**

Tăng cường quản lí việc thực hiện chương trình, kế hoạch giảng dạy nhằm đảm bảo cho đội ngũ GV không cắt xén nội dung chương trình theo quy định chuẩn kiến thức của Bộ GD&ĐT. Do vậy, HT tổ chức cho GV nghiên cứu, thực hiện đúng chương trình; có kế hoạch cả năm học cho hoạt động giảng dạy, đồng thời yêu cầu tổ chuyên môn và GV lập kế hoạch giảng dạy hàng tuần, cả học kì, năm học.

### **3.3. Tăng cường quản lí việc chuẩn bị bài lên lớp của GV**

QL việc chuẩn bị bài lên lớp của GV nhằm hạn chế những tiết dạy kém chất lượng, thiếu sinh động, không thu hút HS trong quá trình GV giảng dạy trên lớp.

QL việc chuẩn bị bài lên lớp của GV là QL việc soạn bài lên lớp của GV. HT khuyến khích GV tự sáng tạo, thiết kế bài lên lớp của mình nhất là các bài giảng kĩ thuật số ứng dụng CNTT. Ngoài ra, HT còn QL việc chuẩn bị các phương tiện dạy học (PTDH) trên lớp. Áp dụng BP này, HT cần quan tâm việc tăng cường cải tạo, nâng cấp CSVC; trang bị PTDH cần thiết để tạo điều kiện cho GV thực hiện việc đổi mới các phương pháp dạy học; đổi mới cách nghĩ, cách làm, cách sử dụng các PTDH sao cho hoạt động này trở thành thói quen trong từng tiết lên lớp của GV.

### **3.4. Tăng cường quản lí việc sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn**

QL việc sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn nhằm giúp cho HT nắm được hoạt động chuyên môn của GV. QL hoạt động này cũng nhằm đảm bảo nội dung

sinh hoạt có chất lượng, thiết thực. Đặc biệt chú ý những nội dung thảo luận các tiết dạy khó, thao giảng, chuyên đề... của GV qua biên bản họp hoặc trực tiếp tham dự cùng với tổ, nhóm chuyên môn.

Thực hiện BP này, HT chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn tổ chức thi đua giữa các thành viên trong tổ để kích thích tinh thần làm việc, tinh thần tự học hỏi, tự bồi dưỡng nâng cao chất lượng giảng dạy; khuyến khích GV tham gia công tác nghiên cứu khoa học, nhất là các ứng dụng của CNTT trong dạy học; ra đề thi theo hướng cải tiến khai thác tư duy tích cực của HS nhằm khai thác các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để HS biết ứng dụng môn học vào cuộc sống thực tế.

Trong số các BP nêu trên, BP 1 là trọng tâm, mang tính đột phá. Thực hiện tốt BP này sẽ có tác động và gây hiệu ứng tốt đến các BP còn lại. Tuy nhiên, các BP trên đều có mối quan hệ biện chứng, hỗ trợ lẫn nhau. Thành công ở mức độ nào là tùy thuộc vào năng lực thực tiễn, kinh nghiệm và nghệ thuật lãnh đạo của người CBQL trong quá trình thực hiện các BP trên.

### **4. Kết luận**

Nghiên cứu, khảo sát thực trạng việc QL đội ngũ GV tiếng Anh tại các trường THCS CL Q.6 TP. HCM cho thấy GV là nhân tố quan trọng quyết định chất lượng giáo dục. Trình độ, năng lực giảng dạy của GV ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của HS. Năng lực và nhiệt huyết của GV được hình thành và phát triển một phần quan trọng là do môi trường giáo dục, trong đó có công tác quản lí của lãnh đạo trường học. Vì vậy, cần nhanh chóng khắc phục các tồn tại đã nêu trong việc QL đội ngũ GV tiếng Anh THCS và thực hiện một số biện pháp QL cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu của Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Đề án "Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2020" đã được UBND TP.HCM phê duyệt.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Điều lệ trường Trung học Cơ sở, trường Trung học Phổ thông và trường Phổ thông có nhiều cấp học*, (Ban hành theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT – Bộ GD&ĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

2. Chính phủ – *Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 và văn bản hướng dẫn thi hành*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 2005; *Luật Giáo dục số 44/2009/QH12*, ngày 25 tháng 11 năm 2009 do Quốc hội ban hành Luật sửa đổi,

bổ sung một số điều của Luật giáo dục số 38/2005/QH11.

3. Chính phủ, *Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam từ 2011-2020*, Ban hành theo Quyết định số 711/QĐ-TTg, 2012

4. Dự án *Đào tạo giáo viên THCS (2003)*, *Đổi mới phương pháp dạy học môn tiếng Anh trong các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo giáo viên THCS*, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

5. Đỗ Hạnh Nga, Vũ Thị Phương Anh (2006), *Khảo sát phương pháp kiểm tra đánh giá môn tiếng Anh lớp 6 ở các trường THCS tại TP. Hồ Chí Minh*.

6. Quyết định số: 1400/QĐ-TTg, Quyết định về việc phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020", Thủ tướng Chính phủ.

7. Quyết định số 448/QĐ-UBND, Quyết định về việc phê duyệt Đề án "Phổ cập và nâng cao năng lực

sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2020", UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

## SUMMARY

Teacher is a decisive factor to education quality. Their qualification and teaching competency will directly effect to students' outcome. Teachers' competency and enthusiasm were partly formed through educational environment, in which it is school leaders' management. Thus, it is necessary to do research on teaching staff, including teachers of English in current stage. The management of English teaching staff has not been paid much attention. The paper refers to this issue at the lower secondary schools in district 6, Ho Chi Minh city.

# RÈN KĨ NĂNG NGHE - NÓI CHO HỌC SINH LỚP 3... (Tiếp theo trang 41)

tổ chức để phát triển kĩ năng nghe - nói cho học sinh trong dạy học tiếng Việt.

### 3. Kết Juận

Mục tiêu cơ bản của việc rèn và phát triển kĩ năng nghe - nói cho học sinh là hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ cho học sinh, gồm năng lực linh hội lời nói (nghe) và năng lực sản sinh lời nói (nói). Rèn kĩ năng nghe - nói chính là rèn kĩ năng sử dụng lời nói cho học sinh. Mục tiêu này đòi hỏi việc rèn và phát triển kĩ năng nghe - nói cần theo định hướng giao tiếp. Để đạt được mục tiêu đó, cần xác định nội dung rèn kĩ năng nghe - nói, xây dựng quy trình rèn kĩ năng nghe - nói, sử dụng những hình thức và biện pháp dạy học thích hợp với nội dung rèn kĩ năng nghe - nói và tâm lí lứa tuổi. Cuối cùng, rèn kĩ năng nghe - nói không thể tách rời rèn kĩ năng đọc - viết cho học sinh.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (1996), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn*, NXB Giáo dục.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 3*, Tập 1, NXB Giáo dục.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 3*, Tập 2, NXB Giáo dục.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Sách giáo viên Tiếng Việt 3*, Tập 1, NXB Giáo dục.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Sách giáo viên Tiếng Việt 3*, Tập 2, NXB Giáo dục.

7. Đào Ngọc, Nguyễn Quang Ninh (1996), *Rèn kĩ năng sử dụng tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

8. Nguyễn Quang Ninh (1998), *Một số vấn đề dạy học ngôn bản nói và viết ở tiểu học theo hướng giao tiếp*, Sách Bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ 1997 – 2000 cho giáo viên tiểu học, NXB Giáo dục.

9. Nguyễn Trí, *Dạy các kĩ năng nghe nói cho học sinh tiểu học*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục.

10. Nguyễn Trí (2002), *Dạy và học môn tiếng Việt ở tiểu học theo chương trình mới*, NXB Giáo dục.

11. Nguyễn Trí (2007), *Một số vấn đề dạy hội thoại cho học sinh tiểu học*, NXB Giáo dục.

12. Nguyễn Trí (2009), *Một số vấn đề dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học*, NXB Giáo dục.

## SUMMARY

Listening-speaking-reading-writing are four basic skills of students, especially primary school pupils. With these four skills, students will get a thinking tool, tool to study and participate in activities of life. The current Vietnamese curriculum pays much attention to practise skills for students, which were considered as one of the three main objectives of each lesson period. In this article, the author refers to the above problem through a specific example: To practise listening-speaking skills to pupils in grade 3 in teaching Vietnamese. To practise listening-speaking skills means to train the ability using speech to pupils. This objective requires the practice and development of communicative-based- listening & speaking skills